VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2025/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; quy đổi thời gian để hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 52/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng chế độ

a) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư này được tính bằng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ hưu. Khi tính mức bình quân tiền lương tháng, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm hưởng chế độ hưu trí.

b) Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5, Điều 7, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 3 Điều 8 Thông tư này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết).

c) Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm a, điểm b khoản này, bao gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm, các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 1 Điều 5, Điều 7 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và điểm d khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Thông tư này là tổng thời gian công tác trong Quân đội (bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng) và thời gian công tác tại các cơ quan đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội.

b) Thời gian công tác để tính quy đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Điều 8 Thông tư này để hưởng chế độ trợ cấp một lần là tổng thời gian công tác trong Quân đội (gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng) có tham gia trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn hoặc làm nghề, công việc được xếp điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

c) Thời gian công tác hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản này nếu bị đứt quãng mà chưa hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc) thì được cộng dồn.

3. Trường hợp thời gian công tác, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi có tháng lẻ thì được tính theo nguyên tắc: dưới 3 tháng không tính, từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng được tính là 1/2 năm, từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 1 năm.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu

1. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP; trong đó, tuổi để xác định sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, thực hiện như sau:

a) Tuổi để xác định sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, được hưởng trợ cấp một lần phải trước hạn tuổi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 52/2024/QH15 ít nhất là 01 năm (đủ 12 tháng), được tính từ tháng sinh đến tháng liền kề trước khi sĩ quan hưởng lương hưu hằng tháng.

b) Trường hợp sĩ quan được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) hoặc nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian quy định để còn đủ 12 tháng nghỉ hưu trước hạn tuổi hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này thì được hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi. Khi được cấp có thẩm quyền quyết định hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi thì không được hưởng khoản tiền chênh lệch giữa tiền lương của tháng cuối cùng trước khi hưởng lương hưu với tiền lương hưu tháng đầu tiên đối với số tháng không nghỉ chuẩn bị hưu.

Trường hợp, trong các loại hồ sơ của sĩ quan không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ xác định được năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 7 năm sinh của sĩ quan để làm căn cứ tính tuổi nghỉ hưu.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Viết Khoa, Thượng tá, sinh tháng 10/1971, nhập ngũ tháng 9/1990, chức vụ Phó Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn A. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 10/2027 đồng chí Khoa đủ 56 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Thượng tá, nhưng do thay đổi tổ chức biên chế, Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng; đồng chí Khoa được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/11/2025 đến ngày 31/10/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/11/2026 (đủ 55 tuổi). Đồng chí Khoa được hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi, số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi là 01 năm (12 tháng).

Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Văn Ba, Trung tá, sinh tháng 9/1974, nhập ngũ tháng 9/1992, chức vụ Trưởng ban, công tác tại Phòng Chính trị, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 9/2028 đồng chí Ba đủ 54 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Trung tá, nhưng do thay đổi tổ chức biên chế, Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng; đồng chí Ba được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/5/2027 đến ngày 30/4/2028; hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/5/2028.

Tuy nhiên, nếu đồng chí Ba nghỉ chuẩn bị hưu hết thời gian theo quy định (hết tháng 4/2028) thì thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Trung tá chỉ còn lại 05 tháng (tính từ tháng 5/2028 đến tháng 9/2028); do vậy, đồng chí Ba không đủ điều kiện hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi.

Đồng chí Ba có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu), hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/5/2027 (đủ 52 tuổi 07 tháng), được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; khi đó, đồng chí Ba có tổng thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Trung tá là 01 năm 05 tháng (54 tuổi - 52 tuổi 07 tháng = 01 năm 05 tháng), đủ điều kiện hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi (theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi được làm tròn là 1,5 năm).

Khi đồng chí Ba có quyết định của cấp có thẩm quyền hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi (01 năm 05 tháng) thì không được hưởng khoản chênh lệch giữa tiền lương của tháng cuối cùng trước khi hưởng lương hưu (tháng 4/2027) với tiền lương hưu tháng đầu tiên (tháng 5/2027) đối với số tháng không nghỉ chuẩn bị hưu (12 tháng) theo quy định của Bộ Quốc phòng.

c) Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất là cấp bậc quân hàm của sĩ quan ghi trong quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) của cấp có thẩm quyền.

d) Cách tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP như sau:

Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi tính theo công thức:

Tiền trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi quy định	=	Số năm được trợ cấp (tính theo thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi quy định)	x 03 tháng x	Tiền lương tháng hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này

Trợ cấp cho số năm công tác tính theo công thức:

Tiền trợ cấp cho số năm công tác	= {05 tháng + [(tổng số năm công tác - 20 năm) x 1/2 tháng]} x	Tiền lương tháng hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này

đ) Không thực hiện chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP.

Sĩ quan còn đủ điều kiện phục vụ tại ngũ và Quân đội còn nhu cầu bố trí sử dụng nhưng xin nghỉ hưu trước tuổi do nhu cầu cá nhân.

Sĩ quan bị kỷ luật hình thức giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm.

Sĩ quan đi học tập, công tác, nghỉ phép ở nước ngoài quá thời hạn từ 30 ngày trở lên không được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Thời hạn để xem xét, đề nghị thăng quân hàm hoặc nâng lương đối với sĩ quan khi có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP được tính theo thời hạn xét thăng quân hàm, nâng lương đối với từng cấp bậc quân hàm. Trong đó, thời gian đã giữ cấp bậc quân hàm hoặc thời gian đã được nâng lương lần 1 tối thiểu phải từ đủ 16 tháng trở lên (đối với Thiếu úy); tối thiểu phải từ đủ 24 tháng trở lên (đối với Trung úy, Thượng úy); tối thiểu phải từ đủ 32 tháng trở lên (đối với Đại úy và cấp tá).

Ví dụ 3: Đồng chí Trần Văn Đại, sinh tháng 3/1971, nhập ngũ tháng 9/1991, chức vụ Phó Tham Mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh C; giả sử đồng chí Đại được cấp có thẩm quyền quyết định nâng lương cấp Thượng tá lần 1 tháng 7/2025. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 3/2027 đồng chí Đại đủ 56 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Thượng tá; đồng chí Đại được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/4/2027 đến ngày 31/3/2028, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/4/2028.

Tính đến ngày 01/3/2028, đồng chí Đại có thời gian được nâng lương cấp Thượng tá lần 1 đủ 32 tháng (từ tháng 7/2025 đến hết tháng 02/2028); như vậy, từ ngày 01/3/2028 đồng chí Đại đủ điều kiện về thời hạn để được xem xét, đề nghị thăng quân hàm từ cấp Thượng tá lên cấp Đại tá.

Ví dụ 4: Đồng chí Trần Văn Sơn, sinh tháng 3/1968, nhập ngũ tháng 02/1988, chức vụ Chủ nhiệm Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh D; đã được cấp có thẩm quyền nâng lương cấp Đại tá lần 1 tháng 7/2024. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 3/2026 đồng chí Sơn đủ 58 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Đại tá; đồng chí Sơn được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/4/2026 đến ngày 31/3/2027, hưởng lương hưu hằng tháng kể từ ngày 01/4/2027.

Tính đến ngày 01/3/2027, đồng chí Sơn đã có thời gian được nâng lương cấp Đại tá lần 1 đủ 32 tháng (từ tháng 7/2024 đến hết tháng 02/2027); như vậy, từ ngày 01/3/2027 đồng chí Sơn đủ điều kiện về thời hạn để được xem xét, đề nghị nâng lương cấp Đại tá lần 2.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành

Sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP; trong đó, các trường hợp được miễn thi tuyển và được cấp tiền tàu xe, thực hiện như sau:

1. Được miễn thi tuyển trong các trường hợp sau:

a) Sĩ quan nguyên là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị của nhà nước được chuyển về các cơ quan, đơn vị đã công tác trước khi nhập ngũ;

b) Sĩ quan chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được sắp xếp việc làm đúng ngành nghề chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo.

2. Sĩ quan chuyển ngành được cấp tiền tàu xe (loại thông thường) từ đơn vị về cơ quan mới.

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan phục viên

Sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu hoặc không chuyển ngành được thì phục viên về địa phương; khi được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên thì được hưởng chế độ, chính sách quy định tại Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp tạo việc làm, chế độ trợ cấp phục viên một lần thực hiện như sau:

1. Cách tính hưởng trợ cấp tạo việc làm

$$\text{Tiền trợ cấp tạo việc làm} = 06 \text{ tháng} \times \text{Mức lương cơ sở tại thời điểm quyết định phục viên có hiệu lực}$$

2. Cách tính hưởng trợ cấp phục viên một lần

Tiền trợ cấp phục viên một lần	=	Tiền lương tháng đóng BHXH của tháng liền kề trước thời điểm phục viên	x	Số năm công tác trong Quân đội	x 01 tháng

Ví dụ 5: Đồng chí Hoàng Tuấn Mạnh, 32 tuổi, Thượng uý, Trung đội trưởng, có thời gian công tác trong quân đội là 14 năm 02 tháng (được tính thâm niên nghề là 14%), do đơn vị sáp nhập, không điều chỉnh sắp xếp được, phục viên về địa phương kể từ ngày 01/4/2025. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề (tháng 3/2025) trước khi đồng chí Mạnh phục viên là:

Lương Thượng uý (hệ số 5,00):	2.340.000 đ x 5,00 = 11.700.000 đồng
Phụ cấp chức vụ (hệ số 0,20):	2.340.000 đ x 0,20 = 468.000 đồng
Phụ cấp thâm niên nghề (14%):	12.168.000 đ x 14% = 1.703.520 đồng
	Tổng số: 13.871.520 đồng/tháng

Đồng chí Mạnh được hưởng chế độ trợ cấp tạo việc làm; trợ cấp phục viên một lần, như sau:

Trợ cấp tạo việc làm: 06 tháng x 2.340.000 đồng = 14.040.000 đồng

Trợ cấp phục viên một lần: Đồng chí Mạnh có thời gian công tác trong Quân đội là 14 năm 02 tháng (theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thời gian công tác trong Quân đội được làm tròn là 14 năm), số tiền là:

13.871.520 đồng x 14 năm x 01 tháng = 193.781.280 đồng

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần

1. Sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần thì thân nhân của sĩ quan được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân của sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần thực hiện như sau:

Tiền trợ cấp một lần cho số năm công tác	=	Tiền lương tháng đóng BHXH của tháng liền kề trước thời điểm sĩ quan hy sinh, từ trần	x	Số năm công tác trong Quân đội	x 01 tháng

Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Văn Đạt, Thượng uý, thời gian công tác trong Quân đội là 10 năm 3 tháng (được tính thâm niên nghề 10%), có thời gian công tác ở xã Sơn Vĩ, Mèo Vạc, Hà Giang (địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100%, được quy đổi mức 1 năm bằng 1 năm 4 tháng) là 3 năm 6 tháng (thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 1 năm 2 tháng), hy sinh ngày 10/12/2024, được công nhận là liệt sĩ. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại tháng 11/2024 của đồng chí Nguyễn Văn Đạt là:

Lương Thượng uý (hệ số 5,00): 2.340.000 đ x 5,00 = 11.700.000 đồng

Phụ cấp thâm niên nghề (10%): 11.700.000 đ x 10% = 1.170.000 đồng

Tổng số: 12.870.000 đồng/tháng

Thân nhân đồng chí Đạt được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho thời gian công tác; trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi là:

Trợ cấp một lần cho thời gian công tác: Đồng chí Đạt có thời gian công tác trong Quân đội là 10 năm 3 tháng (theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thời gian công tác trong Quân đội được làm tròn là 10,5 năm), số tiền là: 12.870.000 đồng x 10,5 năm x 01 tháng = 135.135.000 đồng

Trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi: Thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp của đồng chí Đạt là 1 năm 2 tháng (theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thời gian tăng thêm do quy đổi được làm tròn là 1 năm), số tiền là: 12.870.000 đ x 01 năm x 01 tháng = 12.870.000 đồng.

2. Thân nhân của sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần được hưởng chế độ trợ cấp một lần từ nguồn ngân sách nhà nước hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, bao gồm: Vợ hoặc chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp; cha đẻ, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp của chồng hoặc vợ; con đẻ, con nuôi hợp pháp.

3. Trường hợp không còn thân nhân theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này thì trợ cấp một lần đối với sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Điều 8. Quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần hoặc sĩ quan tại ngũ chuyển sang công chức quốc phòng

1. Điều kiện quy đổi, mức quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP đối với sĩ quan khi nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, nghỉ theo chế độ bệnh binh; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng thực hiện như sau:

a) Thời gian công tác được quy đổi theo hệ số 1 năm bằng 1 năm 6 tháng để tính hưởng trợ cấp gồm:

Thời gian tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp từ ngày 22/12/1944 đến ngày 20/7/1954; ở chiến trường miền Nam, Lào từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975, ở chiến trường Campuchia từ ngày 20/7/1954 đến ngày 31/8/1989; trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc từ ngày 05/8/1964 đến ngày 27/01/1973 (trừ trường hợp đi học tập, chữa bệnh và công tác ở nước ngoài);

Thời gian tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam từ tháng 5/1975 đến tháng 12/1978; ở biên giới phía Bắc từ tháng 02/1979 đến

tháng 12/1988; truy quét Fulrô từ tháng 5/1975 đến tháng 12/1992. Địa bàn biên giới trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc được tính quy đổi là địa bàn biên giới;

Thời gian làm nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ đặc biệt ở Lào, Campuchia qua các thời kỳ (trừ trường hợp được cử đi học, đi theo chế độ ngoại giao hoặc đi làm kinh tế).

b) Thời gian công tác được quy đổi theo hệ số 1 năm bằng 1 năm 4 tháng để tính hưởng trợ cấp gồm:

Thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100% quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Thời gian làm nghề, công việc được xếp điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại V, loại VI) quy định tại Quyết định số 1085/LĐTBXH-QĐ ngày 06 tháng 9 năm 1996; Quyết định số 03/2006/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 20/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong Quân đội.

c) Thời gian công tác được quy đổi theo hệ số 1 năm bằng 1 năm 2 tháng để tính hưởng trợ cấp gồm:

Thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Thời gian làm nghề, công việc được xếp điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV) quy định tại Quyết định số 1085/LĐTBXH-QĐ; Quyết định số 03/2006/QĐ-LĐTBXH và Thông tư số 20/2016/TT-BLĐTBXH.

d) Khi cơ quan có thẩm quyền ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100%, địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên, danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại V, loại VI) và nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV) thì được thực hiện theo quy định mới hoặc quy định sửa đổi, bổ sung.

đ) Các trường hợp làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm như nghề, công việc ngoài Quân đội mà không được quy định tại Quyết định số 1085/LĐTBXH-QĐ; Quyết định số 03/2006/QĐ-LĐTBXH và Thông tư số 20/2016/TT-BLĐTBXH thì được thực hiện theo các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ

Nội vụ) về ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

2. Quy đổi thời gian công tác đối với một số trường hợp cụ thể:

a) Trường hợp trong cùng một thời gian công tác, nếu sĩ quan có đủ 02 điều kiện trở lên quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này chỉ được hưởng theo mức quy đổi cao nhất. Trường hợp thời gian công tác có cùng hệ số quy đổi nhưng không liên tục thì được cộng dồn sau đó mới thực hiện quy đổi.

b) Thời gian công tác ở địa bàn trước đây chưa được quy định mà nay quy định mức phụ cấp đặc biệt 100% hoặc phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì thời gian công tác ở địa bàn đó được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần.

Thời gian công tác ở địa bàn trước đây được quy định mức phụ cấp đặc biệt 100% hoặc phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên mà sau đó cấp có thẩm quyền quy định địa bàn đó có mức phụ cấp đặc biệt dưới 100% hoặc phụ cấp khu vực dưới hệ số 0,7 thì thời gian công tác trước đó ở địa bàn nói trên tính đến trước ngày cấp có thẩm quyền ban hành quy định mới được tính là thời gian công tác được quy đổi để tính hưởng trợ cấp.

c) Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc mà nghề hoặc công việc đó trước đây chưa được xếp loại, sau đó nghề hoặc công việc đó được cấp có thẩm quyền xếp loại điều kiện lao động loại IV trở lên thì thời gian từ khi bắt đầu làm nghề hoặc công việc này được tính loại IV trở lên để quy đổi tính hưởng trợ cấp.

Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc mà trước đây được xếp loại thấp hơn, sau đó nghề hoặc công việc đó được xếp loại cao hơn thì được tính thời gian theo loại cao hơn kể từ khi bắt đầu vào làm nghề hoặc công việc đó để quy đổi tính hưởng trợ cấp.

Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc mà trước đây được xếp loại cao hơn, sau đó nghề hoặc công việc đó xếp loại thấp hơn thì được tính thời gian theo loại cao hơn kể từ khi vào làm nghề hoặc công việc đó đến trước ngày liền kề quy định mới có hiệu lực, sau đó tính theo loại thấp hơn từ ngày quy định mới có hiệu lực để quy đổi thời gian tính hưởng trợ cấp.

3. Thời gian tăng thêm do quy đổi nêu trên được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần với mức cứ một năm tăng thêm do quy đổi được trợ cấp bằng 1 tháng tiền lương hiện hưởng.

Ví dụ 7: Đồng chí Đỗ Xuân Quỳnh, Thượng uý (hệ số lương 5,0), công tác tại quần đảo Trường Sa, nơi có phụ cấp khu vực hệ số 1,0 và phụ cấp đặc biệt mức 100% từ tháng 5/2015 đến tháng 4/2017 và từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2021 (thời gian công tác được quy đổi mức 1 năm bằng 1 năm 4 tháng là 3 năm 1 tháng; thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 1 năm),

có thời gian công tác trong Quân đội là 12 năm 3 tháng (được tính thâm niên nghề 12%), tháng 12/2024 được chuyển ngành sang Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành của đồng chí Quỳnh là:

Lương Thượng úy (hệ số 5,0):	2.340.000 đ x 5,0 = 11.700.000 đồng
Phụ cấp thâm niên nghề (12%)	11.700.000 đ x 12% = 1.404.000 đồng
	Tổng số: 13.104.000 đồng/tháng.

Trước khi chuyển ngành sang Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng, đồng chí Quỳnh được hưởng chế độ trợ cấp một lần do có thời gian được tính quy đổi là:

13.104.000 đồng x 01 năm x 01 tháng = 13.104.000 đồng

Điều 9. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 10. Phương thức giải quyết chế độ

1. Trình tự, thủ tục giải quyết các chế độ cho sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng; do cơ quan quản lý nhân sự chủ trì tổng hợp, thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Thẩm quyền ra quyết định, phân cấp quản lý sĩ quan thực hiện theo quy định của Quân ủy Trung ương và của Bộ Quốc phòng.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

1. Tổng cục Chính trị chỉ đạo

a) Cục Chính sách - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan trong các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Thông tư này; phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Cục Cán bộ

Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Thông tư này đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định;

Chủ trì tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị thẩm định, trình Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối tượng được hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi và thông báo để các đơn vị thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Cục Quân lực

Phối hợp với Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị, các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các trường hợp đề nghị nghỉ hưu trước hạn tuổi do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

3. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch thôi phục vụ tại ngũ đối với sĩ quan và dự kiến số sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; số sĩ quan chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, có trách nhiệm lập dự toán ngân sách bảo đảm thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Thông tư này, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tài chính phân cấp theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong Bộ Quốc phòng hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chế độ đối với các đối tượng quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

c) Phối hợp tham gia thẩm định các đối tượng được hưởng; chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách.

4. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quán triệt, triển khai thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhân sự tiến hành rà soát chặt chẽ, cụ thể từng trường hợp thuộc đối tượng giải quyết chế độ theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, người chủ trì cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về các trường hợp được giải quyết; không để xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách hoặc giải quyết trái quy định.

c) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm báo cáo theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ tình hình; chủ động xử lý, giải quyết vướng mắc phát sinh từ cơ sở theo thẩm quyền, không đùn

đẩy trách nhiệm lên trên; các vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 5 năm 2025.

2. Các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 12 năm 2024. Riêng chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được thực hiện từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 7 Thông tư số 162/2017/TT-BQP ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

4. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.

5. Trường hợp sĩ quan đủ điều kiện nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên quy định tại Điều 2, Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 4, Điều 6 Thông tư này; đồng thời, thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng thì chỉ được hưởng một chế độ, chính sách cao nhất.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Sĩ quan đã có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 12 năm 2024 và hưởng lương hưu sau ngày 01 tháng 12 năm 2024 thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất và các hướng dẫn về chế độ, chính sách liên quan thực hiện theo Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC. Trường hợp có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất và các hướng dẫn về chế độ, chính sách liên quan thực hiện theo Thông tư này.

2. Sĩ quan dự bị được gọi vào phục vụ tại ngũ quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 78/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam, khi hết hạn phục vụ tại

ngũ, được giải quyết các chế độ trợ cấp như sĩ quan tại ngũ quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp là thời gian thực tế công tác trong Quân đội.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Cán bộ, Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Võ Minh Lương

Bản Tổng hợp

GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN BQP VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA VỤ PHÁP CHẾ BQP VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH, THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BQP THAY THẾ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC NGÀY 21/7/2009

(Kèm theo Tờ trình số 25 /TTr-CT ngày 06 /5/2025 của Tổng cục Chính trị)

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
I	**Đối với dự thảo Tờ trình**				
	Các cơ quan thống nhất với dự thảo Tờ trình				
II	**Đối với dự thảo Thông tư**				
1	Đề nghị rà soát, nghiên cứu, chỉnh lý một số nội dung về căn cứ ban hành Thông tư cho phù hợp.	Vụ Pháp chế	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.
2	Tại Điều 1, Điều 2 (trang 2): Đề nghị cơ quan nghiên cứu bỏ cụm từ "sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ" do Nghị định số 21/2009/NĐ-CP không quy định chế độ, chính sách đối với đối tượng này.	Cục Cán bộ	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.
3	Tại điểm a khoản 1 Điều 3, đề nghị nghiên cứu cân nhắc hướng dẫn cụ thể để thống nhất cách tính lương bình quân 05 năm cuối…	Cục Quân lực		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì: Nghị định số 21/2009/NĐ-CP quy định tính lương bình quân của 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu; đồng thời, tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư đã hướng dẫn rõ cách tính tiền lương tháng để tính hưởng chế độ.

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
4	Tại điểm b khoản 1 Điều 3, đề nghị biên tập lại như sau: "Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5; Điều 7; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và hướng dẫn tại… là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội **của tháng gần nhất** trước thời điểm sĩ quan nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm sĩ quan nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng".	Cục Quân lực	x		Tiếp thu một phần và chỉnh lý phù hợp tại dự thảo.
5	Tại điểm b khoản 1 Điều 3, đề nghị nghiên cứu bỏ cụm từ *"nghỉ theo chế độ bệnh binh"*, vì Thông tư không hướng dẫn chế độ, chính sách đối với trường hợp này.	Cục Cán bộ		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì, điểm b khoản 1 Điều 3 là nội dung nguyên tắc về tiền lương tháng để tính trợ cấp một lần khi sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ, hy sinh, từ trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng...
6	Đề nghị nghiên cứu bỏ điểm c khoản 1 Điều 3 và nội dung tính thâm niên tại điểm c khoản 2 Điều 3. Vì: đã được quy định rõ, cụ thể tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 và đề nghị nghiên cứu bỏ cụm từ *"đối với sĩ quan"*, vì Thông tư này hướng dẫn các chế độ, chính sách đối với trường hợp này	Cục Quân lực; Cục Cán bộ	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
7	Tại điểm c khoản 1 Điều 3, đề nghị chỉnh lý cụm từ "quy định tại điểm a, điểm b khoản này, bao gồm:"	Vụ Pháp chế	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.
8	Tại điểm a khoản 1 Điều 4 đề nghị chỉnh lý cụm từ "quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 52/2024/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV".	Vụ Pháp chế BQP	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
9	Tại điểm b khoản 1 Điều 4, đề nghị nghiên cứu biên soạn lại, như sau: "Trường hợp sĩ quan có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) hoặc nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian theo quy định để còn đủ 12 tháng trở lên mới hết hạn tuổi phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm thì được xen xét giải quyết nghỉ hưu trước hạn tuổi hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, nhưng không được hưởng khoản tiền chênh lệch giữa tiền lương của tháng cuối cùng trước khi hưởng lương hưu với tiền lương hưu tháng đầu tiên đối với số tháng không nghỉ chuẩn bị hưu. Trường hợp, trong các loại hồ sơ của sĩ quan không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ xác định được năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 7 năm sinh của sĩ quan để làm căn cứ tính tuổi nghỉ hưu…".	Cục Cán bộ	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
10	Tại điểm b khoản 1 Điều 4, đề nghị nghiên cứu lấy ngày 01 tháng 01 năm sinh làm căn cứ tính tuổi nghỉ hưu. Lý do, để thống nhất với quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Luật QNCN, CN&VCQP năm 2015 và Luật BHXH năm 2024.	BHXH BQP		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì: Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 2008 có hiệu lực từ ngày 01/7/2008; do vậy, các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành đều lấy mốc ngày 01/7 để làm căn cứ.
11	Tại điểm c khoản 1 Điều 4, đề nghị chỉnh lý như sau: "Cấp bậc quân hàm sĩ quan để xác định hạn tuổi phục vụ cao nhất là cấp bậc quân hàm của sĩ quan tại thời điểm có quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền, nhưng không cao hơn trần quân hàm của chức vụ, chức danh của sĩ quan đang đảm nhiệm theo quy định của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật"	Cục Quân lực	x		Tiếp thu một phần và biên tập lại như sau: *"c) Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất là cấp bậc quân hàm của sĩ quan ghi trong quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) của cấp có thẩm quyền".*
12	Tại điểm d khoản 1 Điều 4, đề nghị nghiên cứu cân nhắc hướng dẫn chi tiết để giải quyết đối với các trường hợp sĩ quan chưa đủ 20 năm công tác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3... Đồng thời, đề xuất giảm 20 năm đầu xuống còn 15 năm để phù hợp với quy định của Luật BHXH năm 2024.	Cục Quân lực		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì, phạm vi Thông tư này chỉ hướng dẫn các nội dung quy định tại Nghị định 21 và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 21. Các nội dung liên quan đến BHXH sẽ được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về BHXH.
13	Đề nghị bỏ gạch đầu dòng tại điểm đ khoản 1 Điều 4; điểm a, b, c khoản 1 Điều 8; điểm c khoản 2 Điều 8	Vụ Pháp chế	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
14	Tại khoản 2 Điều 4, đề nghị cơ quan nghiên cứu biên soạn lại, như sau: "Sĩ quan khi có quyết định nghỉ hưu, nếu đã được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương được 2/3 thời hạn trở lên (tính theo thời hạn xét thăng quân hàm, nâng lương đối với cấp bậc khi nghỉ hưu) thì được xét thăng quân hàm cao hơn một bậc (trừ thăng quân hàm cấp tướng) hoặc nâng lương…". Đồng thời, biên tập lại các ví dụ…	Cục Cán bộ	x		Tiếp thu một phần và chỉnh lý phù hợp tại dự thảo.
15	Tại Điều 6, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc đề xuất mức trợ cấp phục viên đối với các trường hợp dôi dư do thay đổi tổ chức biên chế cao hơn mức trợ cấp phục viên đối với các trường hợp khác…	Cục Quân lực		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì, phạm vi Thông tư này chỉ hướng dẫn các nội dung quy định tại Nghị định 21 và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 21.
16	Tại Điều 7, đề nghị nghiên cứu bỏ nội dung khoản 2 Điều này, vì đã có quy định tại Điều 8, nếu giữ nguyên khoản này như dự thảo thì phải bổ sung nội dung tương tự vào Điều 4, Điều 5, Điều 6.	Cục Quân lực; Cục Cán bộ	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.
17	Tại khoản 5 Điều 7, đề nghị nghiên cứu cân nhắc nội dung "do vi phạm kỷ luật của Quân đội, pháp luật của nhà nước bị xử phạt hình thức tước quân hàm sĩ quan hoặc tước danh hiệu quân nhân". Vì theo khoản 4 Điều 54 Thông tư số 143/2023/TT-BQP ngày 27/12/2023 của Bộ trưởng BQP: Đối với các trường hợp vi phạm kỷ luật nhưng đã chết thì không có quyết định kỷ luật,	Cục Quân lực	x		Bỏ khoản này; vì, Nghị định số 21/2009/NĐ-CP không quy định nội dung này. Đồng thời, bổ sung thêm một khoản tại Điều 12 để bãi bỏ khoản 3 Điều 7 Chương II Thông tư số 162/2017/TT-BQP ngày 10/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
18	Tại tiêu đề Điều 8 và khoản 1 Điều 8, đề nghị nghiên cứu bổ sung, sửa đổi cụm từ "sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng"	Cục Cán bộ	x		Tiếp thu một phần, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo.
19	Tại điểm a khoản 1 Điều 8, đề nghị nghiên cứu bổ sung thời gian tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc được quy đổi thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp một lần.	Cục Quân lực		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì, lực lượng gìn giữ hoà bình LHQ đã được điều chỉnh tại điểm h khoản 1 Điều 6 Nghị định số 162/2016/NĐ-CP ngày 14/12/2016 của Chính phủ đã quy định cụ thể việc quy đổi thời gian đối với lực lượng này.
20	Tại Tiết 2 điểm c khoản 2 Điều 8, đề nghị nghiên cứu thay cụm từ "quyết định mới" và cụm từ "quy định tại quyết định mới" bằng cụm từ "quy định mới". Vì, các danh mục nghề, công việc được xếp điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm… được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành bằng các thông tư và quyết định.	Cục Quân lực	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.
21	Tại Điều 9, đề nghị nghiên cứu chuyển thành một khoản của Điều 14 (quy định dẫn chiếu), do Nghị định 21/2009/NĐ-CP không quy định sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ.	Cục Cán bộ	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
22	Tại khoản 1 Điều 12, đề nghị bỏ cụm từ *"và thay thế Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 21/7/2009 của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sĩ quan QĐND Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng"*.	Vụ Pháp chế BQP	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
23	Tại khoản 1 Điều 13, đề nghị chỉnh lý như sau: *"Sĩ quan đã có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 12 năm 2024 và hưởng lương hưu sau ngày 01 tháng 12 năm 2024 thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất và các hướng dẫn về chế độ, chính sách liên quan thực hiện theo Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC. Trường hợp có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất và các hướng dẫn về chế độ, chính sách liên quan thực hiện theo Thông tư này"*.	Vụ Pháp chế BQP	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
24	Khoản 3 Điều 13, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý bố cục như sau: "3. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng a) Hằng năm, căn cứ…; b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan…; c) Phối hợp tham gia thẩm định…"	Cục Tài chính	x		Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.
25	Ngày 31/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 178/2024/NĐ-CP về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025). Trong đó, chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi tại Điều 7 và chính sách nghỉ thôi việc tại Điều 9, Điều 10 được áp dụng đối với các đối tượng trong lực lượng vũ trang. Do vậy, chính sách, chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm và phục viên (tượng tự như thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức) đối với sĩ quan cần được cân nhắc nghiên cứu, rà soát lại quá trình xây dựng Thông tư; để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP…	BTTM		x	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Mỗi văn bản QPPL đều quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và chế độ, chính sách khác nhau; dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 36 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và LLVT trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Việc xây dựng Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 36 nhằm thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sĩ quan sửa đổi năm 2024. Theo đó, Luật Sĩ quan sửa đổi năm 2024 không sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách nghỉ hưu trước hạn tuổi

TT	Nội dung các ý kiến góp ý	Cơ quan	Ý kiến		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
					đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; đồng thời, việc Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP nhằm phù hợp với việc điều chỉnh, nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan tại ngũ theo cấp bậc quân hàm. Bên cạnh đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long ký ban hành ngày 01/3/2025 (Nghị định số 52/2025/NĐ-CP); do vậy, không có cơ sở pháp lý để rà soát lại nội dung chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi trong Nghị định. Mặt khác, theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, quy định *"Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất"*; đồng thời, dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Bộ Quốc phòng, đã hướng dẫn *"Một đối tượng đồng thời đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP"*.